

Số: 29/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 59/TTr-SXD ngày 19 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2025. Bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 65/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành quy định một số nội dung về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Quy định phân công, phân cấp quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTN, THĐT, KTTH, TTTT tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTN_{Tùng}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thịnh

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bao gồm:

1. Khoản 5, 7 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; khoản 5, 6 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng về ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư; phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; điều chỉnh, phân cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình;

2. Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng về tổ chức xây dựng ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương;

3. Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về công bố đơn giá xây dựng công trình của địa phương; phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh;

4. Khoản 2 Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi tại Khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 về phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép xây dựng;

5. Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP về ban hành quy định cụ thể về quy mô, chiều cao đối với công trình xây dựng mới và công trình đề nghị

cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo; thời hạn tồn tại của công trình để làm căn cứ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn;

6. Khoản 8 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; khoản 7 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP về Ban hành các quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; phân cấp quản lý trật tự xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn;

7. Việc phân công, phân cấp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu : Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; khoản 1, khoản 5 Điều 8 Nghị định 140/2025/NĐ-CP;

8. Việc đánh giá an toàn công trình, xử lý công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng, xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế: Khoản 3 Điều 38, khoản 4 Điều 39, khoản 2 Điều 40, khoản 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; khoản 2, Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP, khoản 5 Điều 8 Nghị định 140/2025/NĐ-CP;

9. Việc phá dỡ công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan quyết định cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình: Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; khoản 2, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP;

10. Giải quyết sự cố công trình xây dựng: Điểm đ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP;

11. Phân công, phân cấp tổ chức kiểm tra về phòng cháy chữa cháy: Điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

12. Một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và phân công nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp để thi hành Luật Xây dựng về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và công tác phối hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và quy định về viết tắt

1. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã là Phòng Kinh tế thuộc UBND xã hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị thuộc UBND phường.

4. UBND phường, xã gọi chung là UBND cấp xã.

5. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng viết tắt là BCNCKT.

6. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng viết tắt là BCKTKT.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công

1. Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT của người quyết định đầu tư và của cơ quan chuyên môn về xây dựng; thẩm định nội dung BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT, BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có cấp công trình từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

3. Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp giao bộ phận chuyên môn trực thuộc chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT, BCKTKT của người quyết định đầu tư.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án do đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh, cấp xã quản lý (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định tại điểm c khoản này).

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có cấp công trình từ cấp III trở xuống do đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã làm chủ đầu tư.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

1. Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT, BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

2. Dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã chủ trì thẩm định nội dung BCNCKT, BCKTKT của người quyết định đầu tư; tổng hợp kết quả thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (trừ dự án đã phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định tại điểm c khoản này); gửi kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư dự án.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có cấp công trình từ cấp III trở xuống do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác

1. Chủ sở hữu hoặc người đại diện chủ sở hữu tổ chức thẩm định các nội dung của người quyết định đầu tư.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng, đối tượng dự án thẩm định

theo quy định tại điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP (trừ các dự án quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định nội dung BCNCKT của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các dự án công trình từ cấp III trở xuống (trừ các dự án Khu nhà ở, Khu đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp) được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính cấp xã, đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

1. Dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án sử dụng vốn đầu tư công; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

2. Dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án sử dụng vốn đầu tư công; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công (Trừ dự án phân cấp cho Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định quy định tại điểm b khoản này).

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án sử dụng vốn đầu tư công có cấp công trình từ cấp III trở xuống; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công đối với dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có cấp công trình từ cấp III trở xuống.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án phân cấp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định quy định tại khoản 2

Điều này), đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm k khoản 1 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án có công trình từ cấp III trở xuống (trừ các dự án Khu nhà ở, Khu đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp) được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính cấp xã, đối tượng dự án thẩm định theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư theo Điều 4, Điều 5 Quy định này tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định để tổ chức thẩm định. Trình tự thẩm định BCNCKT thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; điểm b khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15. Thời gian thẩm định theo quy định tại Điều 59 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

3. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), tổ chức thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

4. Việc điều chỉnh BCNCKT thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, quy trình thực hiện theo khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 10. Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

1. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư theo Điều 4, Điều 5 Quy định này chủ trì, tiếp nhận hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình thẩm định để tổ chức thẩm định. Trình tự thẩm định BCKTKT của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; điểm a khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15; tổng hợp kết quả thẩm định về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an (nếu có) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 và ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Thời gian thẩm định theo quy định tại Điều 59 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

3. Việc điều chỉnh BCKTKT thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, quy trình thực hiện theo khoản 1, 2 Điều này.

Điều 11. Định mức, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng

1. Sở Xây dựng tổ chức lập, trình UBND tỉnh ban hành định mức dự toán xây dựng cho các công tác đặc thù của địa phương chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành.

2. Sở Xây dựng tổ chức lập và công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổ chức khảo sát và công bố giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

4. Việc áp dụng, sử dụng, tham khảo định mức xây dựng do Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND tỉnh ban hành; đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng và giá các loại vật liệu xây dựng do Sở Xây dựng công bố trong xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được chủ đầu tư thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng.

Mục 2

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 12. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

UBND tỉnh phân cấp:

1. Sở Xây dựng cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình từ cấp II trở lên thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên (trừ công trình quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng trong các khu công nghiệp thuộc chức năng và phạm vi quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng trong quản lý trật tự xây dựng

1. Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Công bố, công khai nội dung giấy phép xây dựng do Sở Xây dựng cấp trên Cổng thông tin điện tử của Sở và gửi bản sao (hoặc bản điện tử) giấy phép xây dựng đã cấp cho UBND cấp xã nơi xây dựng công trình để phối hợp quản lý.

3. Công bố, công khai số điện thoại, hộp thư điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Sở và tổ chức tiếp nhận các thông tin phản ánh vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn để kịp thời kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

4. Tổ chức kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch và đột xuất; chủ trì kiểm tra trật tự xây dựng đối với công trình nằm trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; kiểm tra công trình do Sở Xây dựng thẩm định, cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp, xử lý các vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

5. Đôn đốc, kiểm tra Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định; phối

hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các công trình xây dựng trên địa bàn khi có đề nghị.

6. Đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét trách nhiệm và có hình thức xử lý theo quy định đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng do buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, để xảy ra vi phạm nghiêm trọng trên địa bàn.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý trật tự xây dựng và xử lý vi phạm cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp xã theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp trong quản lý trật tự xây dựng

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về quản lý trật tự xây dựng trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Công bố, công khai nội dung giấy phép xây dựng đã cấp, số điện thoại, hộp thư điện tử tiếp nhận các thông tin phản ánh vi phạm về trật tự xây dựng trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình; tổ chức tiếp nhận các thông tin phản ánh vi phạm về trật tự xây dựng trong các Khu công nghiệp để kịp thời kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

3. Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng được cấp giấy phép hoặc hồ sơ thiết kế được thẩm định, phê duyệt đối với các trường hợp được miễn cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật đối với công trình trong các Khu công nghiệp.

4. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trật tự xây dựng theo các nội dung quy định tại Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với công trình trong các Khu công nghiệp; đề nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng theo quy định.

5. Kiểm tra, giám sát việc dùng thi công xây dựng đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng trong các Khu công nghiệp theo quy định.

6. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý trật tự xây dựng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trong phạm vi các Khu công nghiệp.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong quản lý trật tự xây dựng

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn (bao gồm các công trình xây dựng trong các cụm công nghiệp), trừ các công trình trong các Khu công nghiệp.

2. Công bố, công khai nội dung giấy phép xây dựng đã cấp theo thẩm quyền.

3. Tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng của các công trình trên địa bàn (trừ các công trình trong các Khu công nghiệp). Tổng hợp thông tin các công trình xây dựng trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

4. Công bố, công khai số điện thoại, hộp thư điện tử và tổ chức tiếp nhận các thông tin phản ánh vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn để kịp thời kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

5. Tổ chức kiểm tra trật tự xây dựng định kỳ và đột xuất theo các nội dung quy định tại Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với các công trình (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định, cấp phép), nhà ở riêng lẻ; ngăn chặn và xử lý kịp thời công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định; thông báo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng (đối với công trình do Sở Xây dựng cấp phép) để theo dõi, quản lý.

6. Kiểm tra, giám sát việc dừng thi công xây dựng đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định.

7. Phối hợp kịp thời khi có đề nghị của Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn và xử lý các trường hợp vi phạm.

8. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý trật tự xây dựng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn.

9. Báo cáo về tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn theo yêu cầu của Sở Xây dựng.

10. Đối với trường hợp cụm công nghiệp nằm trên địa giới hành chính của 2 đơn vị cấp xã trở lên thì UBND các xã, phường có trách nhiệm chủ động xây dựng quy chế phối hợp để quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong quản lý trật tự xây dựng

Các Sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Trước thời điểm khởi công xây dựng công trình ít nhất 03 ngày làm việc, chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (đối với công trình trong các khu công nghiệp), UBND cấp xã nơi xây dựng công trình. Trường hợp công trình thuộc diện kiểm tra công tác nghiệm thu theo khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, chủ đầu tư đồng thời gửi thông báo khởi công đến cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo phân cấp để thực hiện kiểm tra

theo quy định. Mẫu thông báo khởi công xây dựng thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Công khai nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công xây dựng để tổ chức, cá nhân theo dõi và giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Thi công theo đúng nội dung giấy phép xây dựng và hồ sơ thiết kế được duyệt. Trong quá trình tổ chức thi công nếu có thay đổi so với thiết kế đã được cấp giấy phép xây dựng liên quan đến vị trí, quy mô, kết cấu, kiến trúc công trình thì Chủ đầu tư phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng trước khi thi công theo các nội dung thay đổi.

4. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về trật tự xây dựng giải quyết các công việc liên quan đến trật tự xây dựng khi có yêu cầu, chấp hành các quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của người có thẩm quyền.

5. Đối với Chủ đầu tư dự án nhà ở có thêm trách nhiệm sau:

a) Đối với những lô đất do chủ đầu tư chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân được tự xây dựng nhà ở riêng lẻ, chủ đầu tư có trách nhiệm theo dõi, giám sát chủ nhà ở trong việc tuân thủ giấy phép xây dựng, thiết kế đô thị, quy hoạch xây dựng và các nội dung khác theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm khi không kịp thời thông báo UBND cấp xã nơi có dự án để kiểm tra khi phát hiện công trình có dấu hiệu vi phạm trật tự xây dựng.

6. Đối với Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, cụm công nghiệp có thêm trách nhiệm sau:

Theo dõi, giám sát việc tuân thủ giấy phép xây dựng, thiết kế được thẩm định và quy hoạch xây dựng của các Chủ đầu tư công trình xây dựng thuộc dự án thứ cấp trong Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và việc dừng thi công, khắc phục hậu quả đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng. Thông báo kịp thời cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (đối với công trình trong Khu công nghiệp), UBND cấp xã nơi có dự án (đối với công trình trong cụm công nghiệp) để kiểm tra khi phát hiện công trình có dấu hiệu vi phạm trật tự xây dựng.

Mục 3

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

Điều 18. Trách nhiệm chung

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định;

b) Trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình được phân cấp cho cấp xã quản lý theo địa bàn).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh:

a) Trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành tương ứng theo quy định tại các điểm c, d, đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Báo cáo định kỳ, hằng năm và đột xuất theo đề nghị của Sở Xây dựng về công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng được giao quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh.

3. UBND cấp xã:

a) Trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn (trừ các công trình xây dựng trong khu công nghiệp và các công trình xây dựng nằm trên địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên);

b) Báo cáo định kỳ, hằng năm và đột xuất theo đề nghị của Sở Xây dựng về công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng được giao quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 19. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc trường hợp phải kiểm tra theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP

1. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương:

Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của Sở được quy định tương ứng tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ công trình quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này).

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng trong các KCN (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật KCN thuộc trách nhiệm của Sở Xây dựng, công trình nông nghiệp thuộc trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công do cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn có quy mô từ cấp III trở xuống.

Điều 20. Thẩm quyền đánh giá an toàn công trình, xử lý công trình hết thời hạn sử dụng và phá dỡ công trình xây dựng

1. Việc tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn, tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng; quy định lộ trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình; xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình; xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế, công bố công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng quy định tại các Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP trừ các công trình xây dựng nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên được thực hiện như sau:

a) Đối với công trình thuộc đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP: Do các cơ quan tương ứng tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP chủ trì, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Đối với công trình thuộc đối tượng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP: Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Quy định này thực hiện.

c) Công trình được xây dựng nằm trên địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương thực hiện đối với công trình quy định tương ứng tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Công trình xây dựng trong khu công nghiệp: Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh thực hiện;

đ) Công trình xây dựng trên địa bàn xã, phường (trừ các công trình thuộc trách nhiệm của các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương và Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh): Do UBND cấp xã thực hiện.

2. Việc phá dỡ công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan; cưỡng chế phá dỡ và tổ chức thực hiện phá dỡ công trình trong trường hợp chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình không thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

a) Do các cơ quan tương ứng tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP chủ trì, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với công trình thuộc đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và các công trình được xây dựng nằm trên địa giới hành chính từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh chủ trì, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các công trình xây dựng trong khu công nghiệp.

c) UBND cấp xã quyết định đối với các công trình còn lại.

Điều 21. Trách nhiệm giải quyết sự cố công trình và giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương theo chuyên ngành quản lý quy định tương ứng tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thực hiện công tác chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh:

a) Giải quyết sự cố công trình đối với công trình có sự cố cấp I, cấp II (trừ các công trình quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này).

b) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng.

c) Báo cáo sự cố công trình xây dựng về UBND tỉnh và Bộ Xây dựng (thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp) theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh: Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện trách nhiệm được quy định tại khoản 1 Điều này đối với tất cả sự cố công trình xảy ra trong các khu công nghiệp.

3. UBND cấp xã:

a) Chủ trì giải quyết sự cố công trình đối với sự cố cấp III và sự cố công trình nhà ở riêng lẻ xảy ra trên địa bàn (trừ sự cố xảy ra trong các khu công nghiệp);

b) Kịp thời phát hiện sự cố hoặc tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư và báo cáo ngay sự cố công trình xây dựng về UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp) theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh trong việc giải quyết sự cố đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

d) Báo cáo sự cố về máy, thiết bị cho UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng tương ứng tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị

định số 06/2021/NĐ-CP và các tổ chức liên quan để kịp thời giải quyết sự cố theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

đ) Chỉ đạo, hỗ trợ, tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố công trình.

Điều 22. Phân công, phân cấp tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Phân công Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh theo lĩnh vực xây dựng chuyên ngành quản lý tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thực hiện tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở quy định tại Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (trừ các cơ sở phân cấp cho UBND cấp xã tổ chức kiểm tra theo khoản 2 Điều này).

2. Phân cấp cho UBND cấp xã tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở có cấp công trình từ cấp III trở xuống quy định tại Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh

Sở Xây dựng kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật, các nhiệm vụ được phân cấp, uỷ quyền, các nhiệm vụ theo chức năng được giao đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Điều 24. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm thường xuyên tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (gửi qua Sở Xây dựng) về tình hình quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và trật tự xây dựng thuộc phạm vi được giao quản lý trên địa bàn theo định kỳ quý I, quý III, 6 tháng và cuối năm.

Thời gian báo cáo vào ngày 20 tháng cuối quý đối với báo cáo quý, ngày 15 tháng 6 và tháng 12 đối với báo cáo 6 tháng, năm.

2. Định kỳ 6 tháng, hằng năm, hoặc đột xuất, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn (ngày 20 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng, ngày 20 tháng 12 đối với báo cáo năm), tổ chức giao ban công tác quản lý trật tự xây dựng với UBND cấp xã và các cơ quan có

liên quan để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

1. Dự án, công trình xây dựng đã trình cấp có thẩm quyền thẩm định BCNCKT, BCKTKT, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu trước ngày Quy định này có hiệu lực thì thẩm quyền thực hiện các thủ tục nêu trên tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, chủ đầu tư phải hoàn thiện và trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này.

2. Các dự án đã được quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải phê duyệt lại. Các hoạt động tiếp theo của dự án thực hiện theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công đã được cấp huyện quyết định đầu tư:

a) Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực: Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo Khoản 1 Điều 19 Quy định này;

b) Chủ đầu tư là UBND cấp xã: Do Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp xã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.